TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ** **.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** .....

Bản án số: **08**/2020/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Lệ Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông **Đỗ Minh Tuân**
2. Ông **Kiều Công Ích.**

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Vi Thị Năm –** Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Hiển** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "*hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QDST-DS ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N - Phó giám đốc trung tâm thẻ.

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ông N ủy quyền: Bà Bùi Thị Thúy H - sinh năm 1985 (có mặt)

Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi do - Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Phú Thọ.

Trụ sở: Số 1482, đường H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Hà Ngọc L - sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 2 xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn do Bà Bùi Thị Thúy H đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 25/9/2013 ông Nguyễn Ngọc L sinh năm 1985, chứng minh nhân dân số 131182025 có hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông L, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm tính từ ngày phát hành. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.450.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến trước khi ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán cho ngân hàng 18.134.692đ. Qua nhiều làn nhắc nhở, ông L không có thiện trí trả nợ cho ngân hàng. Ngày 06/01/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Trước khi khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba Ngân hàng thương mại cổ phần S đã gửi cho ông L thông báo về việc sẽ khởi kiện vụ án. Phía ngân hàng đã không nhận được bất cứ thông báo nào của ông L về việc thay đổi nơi cư trú. Tính đến nay ông L còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S 4.568.956đ tiền gốc, nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 13/8/2020 là 3.330.336đ. Lãi xuất đối với khoản vay theo thẻ tín dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ do điều chỉnh của ngân hàng nhà nước. Tôi xin cung cấp bảng kê tính lãi cho HĐXX. Tổng cả gốc và lãi tính đến hết 13/8/2020 là 7.899.292đ. Nay đề nghị Tòa án buộc ông L hoàn trả cho ngân hàng nợ gốc là 4.568.956đ tiền gốc, nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 13/8/2020 là 3.330.336đ.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Trong quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án ông Hà Ngọc L không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc. Toà án đã niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt, không có lý do nên Toà án không thể lấy lời khai cũng như hoà giải vụ án giữa ngân hàng với ông Hà Ngọc L được.

Qua xác minh tại địa phương, ông L có đăng ký hộ khẩu tại khu 4 xã T, nay là khu 2 xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Xác minh tại gia đình ông L, cụ Nguyễn Thị Đ thừa nhận ông L và vợ con sống cùng cụ tại khu 2 xã T. Năm 2019 ông L bỏ việc, vợ con ông L về quê ngoại sinh sống. Từ đó ông L không sống cùng cụ. Cụ không có tin tức gì của ông L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm về việc tuân thủ đúng quy định pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX . Nguyên đơn đã tuân thủ quy định pháp luật, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Hà Ngọc L phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Hà Ngọc L - bị đơn của vụ kiện vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập, đã niêm yết các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Ông L không thông báo cho ngân hàng về việc thay đổi nơi cư trú. Xác minh tại Công an xã T, trang 20, quyển 02 Sổ đăng ký thường trú khu 4 xã T ông Hà Ngọc L là thành viên hộ cụ Nguyễn Thị Đ và chưa cắt khẩu. Việc ông L không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không thông báo cho Ngân hàng về việc thay đổi nơi cư trú là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì thế Tòa án xét xử vắng mặt ông L là hoàn toàn phù hợp điểm b,d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các lời khai của nguyên đơn trong vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tranh chấp phát sinh là việc ông Nguyễn Ngọc L có ký với N hàng thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được mở thẻ với hạn mức tín dụng 10.000.000đ, ông L đã thực hiện các giao dịch cá nhân. Do ông L không trả nợ nên ngày 06/01/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, đại diện ngân hàng yêu cầu ông L trả cho ngân hàng số tiền gốc còn lại là 4.568.956đ và tiền lãi tính đến hết ngày 13/8/2020 là 3.330.336đ . Tổng cả gốc và lãi là 7.899.292đ.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Hà Ngọc L được ký trên cơ sở hai bên tự nguyện. Chính vì vậy xác định Ngân hàng thương mại cổ phần S là người khởi kiện, ông Hà Ngọc L là người bị kiện là có căn cứ pháp lý, nhằm bảo đảm đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng đối với vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý vì việc vay nợ được bị đơn tự kê khai trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/9/2013. Ông L đã sử dụng thẻ tín dụng được cấp để thực hiện các

giao dịch của minh, đã được nhắc nhở việc trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ. Tại kết luận giám định số 667/KLGĐ ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận: "Chữ ký đứng tên Hà Ngọc L và các chữ " Hà Ngọc L "dưới mục "Chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính" trên " Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Hà Ngọc L và các chữ "Hà Ngọc L" dưới mục " Người ký hợp đồng làm việc lần đầu; Viên chức tự đánh giá" trên " Hợp đồng làm việc lần đầu; Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm 2017" (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2) là do cùng một người ký và viết ra".

Phía bị đơn không đến Tòa án làm việc, cố tình giấu giếm địa chỉ của mình nên không có quan điểm.

Nguyên đơn xuất trình bảng kê và trình bày về khoản nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 13/8/2020 có cơ sở nên được chấp nhận. Cần tiếp tục duy trì hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 25/9/2013 cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền tạm ứng lệ phí giám định, lỗi là của bị đơn nên cần buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn tiền lệ phí giám định.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hà Ngọc L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463,466,468, 470 Bộ luật dân sự ; Khoản 3 điều 26 , điểm a khoản 1 điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Án lệ số 08/2016/ AL ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định pháp luật.

Buộc ông Hà Ngọc L phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2013 là 4.568.956đ và tiền lãi tính đến hết ngày 13/8/2020 là 3.330.336đ. Tổng cả gốc và lãi là 7.899.292đ (bảy triệu tám trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2013 cho đến khi ông Hà Ngọc L thực hiện xong nghĩa vụ.

Buộc ông Hà Ngọc L hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng lệ phí giám định là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

” Kể từ ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

.*** Về án phí:**

- Ông Hà Ngọc L phải chịu 394.900đ (*ba trăm chín mươi tư nghìn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ;

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2019/0002030 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS;*
- *Lưu AV,HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Lệ Thanh